|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HÒA BÌNH  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hòa Bình, ngày tháng 05 năm 2025* |

**BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG**

**Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định khoảng cách, địa bàn cách trở, giao thông đi lại khó khăn; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

|  |  |
| --- | --- |
| **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**  1. Phạm vi điều chỉnh  Quyết định này quy định khoảng cách, địa bàn đối với học sinh, học viên được quy định tại các khoản 2, 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ- CP, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá | nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Hòa Bìnhquản lý.  2. Đối tượng áp dụng  2.1. Đối tượng học sinh, học viên bao gồm:  a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông;  b) Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông;  c) Học sinh dân tộc nội trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú. | Tại điểm b khoản 4 Điều 14 của Nghị định 66/2025/NĐ-CP quy định:  *“b) Uỷ ban nhân dân tỉnh*  *....Ban hành văn bản để quy định:*  *Căn cứ Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản thực* tế *của địa phương để 3 Điều 4 của Nghị định này và điều kiện địa bàn làm căn cứ xác định học sinh*, *học quy định cụ thể viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trong đó quy định khoảng cách*, *địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông*, *suối*, *qua đèo, núi cao*, *qua vùng sạt lở đất, đủ để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ*  *Căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định này để*  *quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo nhân, học phẩm cho học sinh trường dục phổ thông được cấp có thẩm quyền*  *giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú phù hợp đặc thù của mỗi vùng, miền, từng cấp học và chương trình giáo dục phổ thông hiện hành* |
| **Điều 2. Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày**  1. Khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày :  a) Khoảng cách xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày đối với học sinh tiểu học từ 04 km trở lên; học sinh, học viên trung học cơ sở từ 07 km trở lên; học sinh, học viên trung học phổ thông từ 10 km trở lên.  b) Trường hợp đặc biệt khoảng cách nhỏ hơn quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này thì căn cứ xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã về khu vực, địa bàn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, vùng sạt lở, đất, đá.  2. Địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.  3. Các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định hiện hành và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có) của cấp có thẩm quyền. | Để học sinh đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (từ ngày 01/01/2025) thì UBND tỉnh cần ban hành văn bản quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày (theo quy định tại b khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP).  Vì Uỷ ban nhân dân cấp xã là đơn vị nắm rõ về địa giới hành chính, quản lý nhân khẩu trên địa bàn, nên để thuận tiện nhất cho việc xác nhận đối tượng học sinh được hưởng chế độ chính sách quy định Nghị định số 66/2025/NĐ-CP UBND thì UBND cấp xã là đơn vị xác nhận về khu vực, địa bàn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, vùng sạt lở, đất, đá. |
| **Điều 3. Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú**  1. Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm.  *(Có danh mục kèm theo)*  2. Việc mua sắm đồ dùng cá nhân, học phẩm trang cấp cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được thực hiện căn cứ vào danh mục, định mức quy định tại khoản 1 Điều này và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan. | Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú phải thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 66/2025**/**NĐ-CP, đồng thời đảm bảo phù hợp đặc thù của mỗi vùng, miền, từng cấp học và chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và được thực hiện từ năm 2025 và nhằm đảm bảo tính ổn định, thống nhất, thuận tiện trong việc tổ chức thực hiện chính sách khi Nghị định số 66/2025/NĐ- CP có hiệu lực thi hành. |